

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 26 - 6 - 2019

V/v: Chị Đỗ Thị M xin ly hôn anh

Đoàn Văn Ph

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dương.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Nhiều.

Ông Nguyễn Thanh Nghĩa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hương, Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Kim Dung, Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 66/2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2019 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2019/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Đỗ Thị M**, sinh năm 1991; (có mặt)

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn N, xã M, huyện V, tỉnh Thái Bình;

Chỗ ở hiện nay: Thôn V, xã D, huyện V, tỉnh Thái Bình.

2. *Bị đơn:* Anh **Đoàn Văn Ph**, sinh năm 1990; (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn N, xã M, huyện V, tỉnh Thái Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện đề ngày 02 tháng 4 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Đỗ Thị M trình bày:***

Chị và anh Đoàn Văn Ph được hai gia đình tổ chức cưới vào tháng 6 năm 2010, khi đó chị đã mang thai 02 tháng. Thời điểm đó do hiểu biết pháp luật còn hạn chế nên anh chị chưa làm thủ tục đăng ký kết hôn. Đến ngày 10 tháng 01 năm 2011, khi chuẩn bị sinh con đầu lòng, chị và anh Ph đã làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện V, tỉnh Thái Bình trên cơ sở tự nguyện. Quá trình chung sống giữa anh chị chỉ hạnh phúc được thời gian đầu, sau xảy ra quá nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do anh Ph rượu chè, không chịu lao động, không tu chí làm ăn, không quan tâm, không có trách nhiệm với gia đình, chị góp ý, anh Ph không nghe, mặt khác khi anh chị cưới bố mẹ đẻ chị có điều kiện về kinh tế nên đã hỗ trợ rất nhiều, nhưng sau đó do bố mẹ đẻ chị bị vỡ nợ nên anh Ph tỏ thái độ coi thường, không tôn trọng, còn với vợ con, anh Ph đối xử như người dung nước lã. Vợ chồng liên tục xảy ra đánh, cãi nhau. Năm 2015 anh Ph đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan nhưng không gửi tiền về cho chị để trang trải cuộc sống hàng ngày, chị tìm hiểu thì được biết anh Ph có quan hệ với người phụ nữ khác. Vì kinh tế gia đình, năm 2016, chị gửi con cho ông bà nội, ngoại nuôi dưỡng và đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Năm 2017 anh Ph chấm dứt hợp đồng lao động, về nước. Từ khoảng thời gian này, anh Ph đón hai con về nuôi và liên tục giục chị làm đơn ly hôn, đối với các con, anh Ph cấm đoán không cho bố mẹ đẻ chị đến thăm và gặp các cháu như khi bố mẹ chị đến nhà thì anh Ph đóng cửa không cho vào, quần áo, sữa, bố mẹ đẻ chị mua, tiền nộp học cho cô giáo, anh Ph đều gửi trả lại, chị gọi điện thoại về anh Ph không cho chị gặp con. Đầu năm 2019 chị hết hạn hợp đồng lao động về nước, tuy nhiên mâu thuẫn vợ chồng vẫn không được cải thiện. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn, tình yêu, niềm tin dành cho nhau đã hết, từ năm 2015 đến nay anh chị đã chấm dứt mọi quan hệ, không ai quan tâm đến cuộc sống của ai, do đó chị kiên quyết xin ly hôn anh Ph.

Chị và anh Đoàn Văn Ph có hai con chung là Đoàn Đại Long A, sinh ngày 18 tháng 01 năm 2011 và Đoàn Ngọc Linh A1, sinh ngày 19 tháng 9 năm 2012. Ly hôn, chị biết con là con chung, bố mẹ đều phải có trách nhiệm đối với con, tuy nhiên, để các con được sống cùng nhau và để các con có cuộc sống tốt hơn, chị và anh Ph thống nhất giao hai con chung cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, chị không yêu cầu anh Ph phải cấp dưỡng cho hai con chung. Việc chị nuôi hai con, cuộc sống các con sẽ được đảm bảo, mặt khác việc chị nuôi hai con còn có sự hỗ trợ rất nhiều cả về vật chất và tinh thần của bố mẹ đẻ chị.

Chị và anh Đoàn Văn Ph không có tài sản chung, không đi vay, không cho ai vay nợ chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về chia tài sản chung.

**** Tại bản tự khai đề ngày 22 tháng 4 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Đoàn Văn Ph trình bày:***

Về thời gian, thủ tục, điều kiện kết hôn anh Đoàn Văn Ph trình bày như chị Đỗ Thị M đã khai. Về nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng, theo anh là do năm 2015 khi anh đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, ở nhà chị M có quan hệ nam nữ bất chính với người đàn ông khác, anh hỏi, chị M không thừa nhận. Năm 2016 chị M cũng sang xuất khẩu lao động tại Đài Loan nhưng vì tình cảm không còn nên khi sang đó anh và chị M cũng không gặp, không liên lạc gì với nhau. Từ năm 2015 đến nay vợ chồng sống ly thân, không ai quan tâm đến cuộc sống của ai. Nay chị M xin ly hôn anh, anh xác định chị M đã lừa dối tình cảm của anh, không tôn trọng anh, không thương các con, do đó tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn giữa anh chị đã trầm trọng và không còn khả năng hàn gắn, tuy nhiên, vì anh theo đạo Thiên Chúa Giáo, không được phép đồng thuận ly hôn, do đó về hôn nhân giữa anh và chị M, anh đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Anh và chị Đỗ Thị M có hai con chung là Đoàn Đại Long A, sinh ngày 18 tháng 01 năm 2011 và Đoàn Ngọc Linh A1, sinh ngày 19 tháng 9 năm 2012. Ly hôn, ban đầu anh có nguyện vọng nuôi cả hai con chung và yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con theo pháp luật. Tuy nhiên, khi Tòa án tiến hành hòa giải, theo anh, việc bố mẹ ly hôn, các con đã phải chịu thiệt thòi rất nhiều về mặt tình cảm, các con đang độ tuổi lớn, đang sống cùng nhau rất gắn bó, anh không muốn các

con phải tách xa nhau, quan điểm của anh là anh nuôi con cũng được, chị M nuôi con cũng được nhưng hai con phải ở cùng nhau, sau khi suy nghĩ, cân nhắc, anh và chị M đã thống nhất thỏa thuận giao hai con chung cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng, anh không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung cùng chị M.

Anh và chị Đỗ Thị M không có tài sản chung, không đi vay, không cho ai vay nợ chung, anh không đề nghị Tòa án giải quyết về chia tài sản chung.

**** Tại biên bản ghi ý kiến, nguyện vọng của con đề ngày 20 tháng 5 năm 2019, cháu Đoàn Đại Long A trình bày:***

Nếu Tòa án giải quyết cho bố mẹ cháu ly hôn, cháu Long A có nguyện vọng được ở với bố đẻ Đoàn Văn Ph.

**** Tại biên bản ghi ý kiến, nguyện vọng của con đề ngày 20 tháng 5 năm 2019, cháu Đoàn Ngọc Linh A1 trình bày:***

Nếu Tòa án giải quyết cho bố mẹ cháu ly hôn, cháu Linh A1 có nguyện vọng được ở với mẹ đẻ Đỗ Thị M.

**** Tại biên bản lấy lời khai đề ngày 28 tháng 4 năm 2019, ông Đỗ Xuân N và bà Tường Thị Th là bố mẹ đẻ của chị Đỗ Thị M trình bày:***

Chị Đỗ Thị M và anh Đoàn Văn Ph được hai bên gia đình tổ chức cưới vào năm 2010 và có đăng ký kết hôn theo quy định. Về nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn giữa chị M, anh Ph là do anh Ph không tu chí làm ăn, rượu chè, ông bà phải phụ giúp về kinh tế cho anh chị rất nhiều nhưng khi ông bà làm ăn thua lỗ, anh Ph tỏ thái độ coi thường, không tôn trọng. Trong thời gian chị M, anh Ph đi xuất khẩu lao động, ông bà nuôi cháu Linh A1, cháu Long A do ông bà nội nuôi. Khi về nước, anh Ph đón cháu Linh A1 về ở cùng nhưng kể từ đó anh Ph cố tình gây khó khăn cho ông bà trong việc thăm nom, chăm sóc cháu. Nay đối với việc ly hôn giữa chị M và anh Ph, ông bà thấy mâu thuẫn giữa anh chị không còn khả năng hàn gắn, ông bà đề nghị Tòa án xử cho chị M được ly hôn anh Ph.

Về hai con chung của anh chị, nếu chị M nuôi con, ông bà sẽ có trách nhiệm hỗ trợ chị M trong việc nuôi dưỡng và chăm sóc các cháu, để các cháu được học tập và được sống trong môi trường tốt nhất.

Về tài sản giữa chị M, anh Ph, theo ông bà thì anh chị không có tài sản chung gì, không đi vay và không cho ai vay nợ chung.

*** Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:**

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì. Nguyên đơn chị Đỗ Thị M chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Bị đơn anh Đoàn Văn Ph không chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị Đỗ Thị M được ly hôn anh Đoàn Văn Ph; giao con Đoàn Đại Long A và Đoàn Ngọc Linh A1 cho chị Đỗ Thị M trực tiếp nuôi dưỡng; không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con do chị Đỗ Thị M không yêu cầu; về chia tài sản chung, chị Đỗ Thị M không yêu cầu, anh Ph vắng mặt tại phiên tòa, nên không xem xét giải quyết. Chị Đỗ Thị M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1] Chị Đỗ Thị M khởi kiện xin ly hôn anh Đoàn Văn Ph, anh Ph hiện cư trú tại Thôn N, xã M, huyện V, tỉnh Thái Bình, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là vụ án tranh chấp Hôn nhân và gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình.

[1.2] Bị đơn anh Đoàn Văn Ph đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục vắng mặt anh Đoàn Văn Ph.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Đỗ Thị M và anh Đoàn Văn Ph kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký tại UBND xã M, huyện V, tỉnh Thái Bình, theo giấy

chứng nhận kết hôn số 04 ngày 10 tháng 01 năm 2011, là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống giữa anh chị chỉ hạnh phúc được một thời gian đầu sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do vợ chồng đều nghi ngờ lòng chung thủy của nhau và bất đồng về quan điểm sống. Khi mâu thuẫn xảy ra, anh chị đã không có biện pháp giải quyết dứt điểm, dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, anh chị đã sống ly thân, chấm dứt mọi quan hệ từ năm 2015 đến nay. Chị M, anh Ph đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, niềm tin dành cho nhau đã hết, mâu thuẫn không còn khả năng hàn gắn, chị M xin ly hôn nhưng do anh Ph theo đạo Thiên Chúa Giáo, không được phép đồng thuận ly hôn, anh Ph đề nghị giải quyết theo pháp luật. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị M, anh Ph là có, đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống vợ chồng đã chấm dứt trên thực tế, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, cần xử cho chị M được ly hôn anh Ph.

[2.2] Về nuôi con chung: Chị Đỗ Thị M và anh Đoàn Văn Ph có hai con chung là Đoàn Đại Long A, sinh ngày 18 tháng 01 năm 2011 và Đoàn Ngọc Linh A1, sinh ngày 19 tháng 9 năm 2012. Quá trình giải quyết vụ án, chị M và anh Ph đều có nguyện vọng xin nuôi con, khi Tòa án tiến hành hòa giải, anh chị đều xác định con là con chung, bố mẹ đều phải có trách nhiệm với con, tuy nhiên, để đảm bảo cuộc sống, việc học tập và để tránh làm ảnh hưởng đến tâm lý của các con, chị M và anh Ph đã thống nhất giao hai con chung cho chị M nuôi dưỡng, anh Ph không phải cấp dưỡng cho con. Tại phiên tòa, chị M vẫn giữ nguyên ý kiến, quan điểm trên. Xét thấy, chị M có khả năng về kinh tế, có đủ điều kiện để nuôi con, việc chị M nuôi con còn có sự hỗ trợ của bố mẹ đẻ chị M. Để đảm bảo quyền lợi và xuất phát từ lợi ích mọi mặt của con trẻ, căn cứ quy định tại Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình, cần giao hai con Long A và Linh A1 cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng, việc chị M không yêu cầu anh Ph cấp dưỡng cho các con chung là tự nguyện, cần chấp nhận.

[2.3] Về chia tài sản chung: Quá trình giải quyết vụ án, chị Đỗ Thị M và anh Đoàn Văn Ph đều trình bày anh chị không có tài sản chung, không đi vay và không cho ai vay nợ chung, anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên,

tại phiên tòa, anh Ph vắng mặt không có lý do, vì vậy, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho các đương sự, về chia tài sản chung Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết trong vụ án này, Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ việc dân sự khác khi đương sự có yêu cầu.

[2.4] Về án phí: Chị Đỗ Thị M phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[2.5] Về quyền kháng cáo: Chị Đỗ Thị M và anh Đoàn Văn Ph có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 và các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 146, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Đỗ Thị M và anh Đoàn Văn Ph.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao cho chị Đỗ Thị M trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là Đoàn Đại Long A, sinh ngày 18 tháng 01 năm 2011 và Đoàn Ngọc Linh A1, sinh ngày 19 tháng 9 năm 2012. Chấp nhận việc chị Đỗ Thị M không yêu cầu anh Đoàn Văn Ph cấp dưỡng cho hai con chung cùng chị.

2.2. Anh Đoàn Văn Ph có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng cho con được đặt ra giải quyết khi có yêu cầu.

3. Về chia tài sản: Không đặt ra giải quyết trong vụ án này, Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ việc dân sự khác khi đương sự có yêu cầu.

4. Về án phí: Chị Đỗ Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Đối trừ vào số tiền 300.000 đồng chị M đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai

số 0003333 ngày 16 tháng 4 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Thái Bình. Chị M đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Đỗ Thị M có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 26 tháng 6 năm 2019). Anh Đoàn Văn Ph vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Thái Bình;
- UBND xã M, huyện V, tỉnh Thái Bình, giấy CNKH số 04 ngày 10/01/2011);
- Lưu: hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thùy Dương